| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **116**/2019/HSST
Ngày: 12/03/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mộng Hà
***- Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa
Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Cao- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số 139/2019/QĐST-HS ngày 05/03/2019 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Trung H**
Tên gọi khác : không.
Sinh năm : 1991.
Nơi cư trú : đội 1, xã H, thị xã Qu, tỉnh Quảng Trị.
Nghề nghiệp : buôn bán.
Chức vụ : Không.
Trình độ học vấn : 12/12.
Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh; Tôn giáo : Không
Họ tên cha : Nguyễn Trung Th, sinh năm 1960 (còn sống).
Họ tên mẹ : Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (còn sống).
Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có năm chị em và chưa có vợ con.
Tiền án, tiền sự : không.
Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 13/09/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 470 ngày 20/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B.

**2. Họ và tên: Đinh Duy A.**
Tên gọi khác : Ph.
Sinh năm : 1992.
Nơi cư trú : 10/4C, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp : Làm thuê.
Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa.

Chức vụ : Không.
Trình độ học vấn : 7/12.
Họ tên cha : Đinh Văn Th, sinh năm 1959 (Đã chết).
Họ tên mẹ : Đinh Thị L, sinh năm 1965 (còn sống).
Anh : Đinh Duy L, sinh năm 1991.
Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ con.
Tiền án, tiền sự : không.
Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 13/09/2018 chuyển tạm giam theo lệnh số 472 ngày 20/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B

**3. Họ và tên:** Nguyễn Hữu C.
Tên gọi khác : không.
Giới tính : Nam
Sinh năm : 1971.
Quốc tịch : Việt Nam - dân tộc : Kinh - tôn giáo : Phật.
Nơi cư trú : 63F/99, khu phố 10, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp : Buôn bán.
Chức vụ : Không.
Trình độ học vấn : 9/12.
Họ tên cha : Nguyễn Hữu D, sinh năm 1935.
Họ tên mẹ : Nguyễn Thị S, sinh năm 1936.
Có vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974.
Con : Nguyễn Hữu H, sinh năm 1999.
Con : Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 2005.
Bị cáo là con thứ tám trong gia đình có 09 anh chị em.
Tiền án, tiền sự : không.
Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 13/09/2018 chuyển tạm giam theo lệnh số 471 ngày 20/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B.

**Người bào chữa cho bị cáo H**: Luật sư Lê Quang Y- Văn phòng Luật sư Lê Quang Y- Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

**Người bị hại:** Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1983, ngụ tại : 29/36, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Anh Đinh Duy L, sinh năm 1991.
Nơi cư trú : 10/4C, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Bị cáo H, A, C, luật sư Y, anh L có mặt; chị Th vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 05 và tháng 07/2018, anh Bùi Văn T, sinh năm 1987 là chồng chị Phạm Thị Th, sinh năm 1983, ngụ tại : 29/36, khu phố 3, phường T, thành phố B vay của Nguyễn Trung H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), hai bên không viết giấy vay tiền, anh T hẹn đến ngày 22/8/2018 trả nợ nhưng sau đó không trả mà bỏ đi đâu không rõ nên H đến gặp chị Th đòi tiền nhiều lần nhưng chị Th không trả. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2018, H biết anh Lương Công C, sinh năm 1991, Hộ khẩu thường trú : xã Th, huyện T, tỉnh Th vào nhà của chị Th để trả

cho chị Th số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên H đã điện thoại cho Đinh Duy A và Nguyễn Hữu C nhờ đến nhà trọ của chị Th tại nhà số 29/36, khu phố 3, phường T, thành phố B để lấy tiền nợ thì cả hai đồng ý, rồi cả 03 đi đến phòng trọ của chị Th để lấy tiền nợ, khi vào nhà thấy chị Th đang ngồi dưới nền nhà trong phòng ngủ đếm tiền còn anh C đứng bên cạnh, H liền hỏi "Sao chị không trả tiền cho tôi" rồi H đi lại giật số tiền trên tay của chị Th nhưng chị Th giữ lại không cho H lấy thì bị Nguyễn Hữu C và Đinh Duy A vào giữ tay, đè chị Th xuống để cho Hiếu giật lấy số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trên tay của chị Th, chị Th kêu cứu giữ lấy số tiền nhưng không được. Sau khi lấy được tiền, C đi về nhà còn H và Duy A đi vào quán cà phê tại khu phố 6, phường T, thành phố B đếm tiền, thấy dư 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nên H nhờ Nguyễn Tấn T, sinh năm 1993, ngụ tại : đội 2, xã H , thị xã Qu, tỉnh Quảng Trị cầm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đến trả lại cho chị Th nhưng chị Th không nhận nên T cầm tiền về đưa cho H, H lại nhờ một người quen lái xe ôm (không rõ tên, địa chỉ) cầm số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trả cho chị Th nhưng chị Th vẫn không nhận. Sau đó, chị Th đến Công an phường T trình báo, Công an phường lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý. Đến ngày 13/9/2018, Nguyễn Trung H, Nguyễn Hữu C và Đinh Duy A đến Công an thành phố Biên H đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

**Tang vật thu giữ :**

- Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), H giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B là tiền H cướp của chị Th. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Th.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vaio màu đen, số Imel 1: 865569034445872, Imel 2: 865569034445864 của Nguyễn Trung H; 01 điện thoại di động hiệu Philips, imel 1: 861277030444907 của Nguyễn Hữu C, các tài sản trên được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 màu hồng, số imel: 353815082159108 của Đinh Duy A sử dụng liên lạc với H khi đi lấy tiền chị Th. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại trên là của anh Đinh Duy L là anh trai của bị cáo Duy A cho bị cáo Duy A mượn và không biết Duy A sử dụng vào việc phạm tội.

Về bồi thường dân sự : ông Nguyễn Trung Th là bố ruột bị cáo Nguyễn Trung H đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho chị Phạm Thị Th nên chị Th không yêu cầu gì thêm và đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại cáo trạng số 85/CT-VKS-HS ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Nguyễn Trung H, Đinh Duy A, Nguyễn Hữu C về tội " Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt:

Nguyễn Trung H mức hình phạt từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Đinh Duy A mức hình phạt từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Nguyễn Hữu C mức hình phạt từ 03( ba) năm đến 03( ba) năm 06( sáu) tháng tù

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H cho rằng: Hồ sơ vụ án chưa thể hiện việc vay mượn tiền giữa anh Bùi Văn T và Nguyễn Trung H? Không triệu tập anh T đến làm việc liên quan đến việc vay tiền H cũng như không đối chất lời khai giữa chị Th và H? Hồ sơ chưa thể hiện việc các bị cáo có hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để làm tê liệt ý chí phản kháng của chị Th vào thời điểm xảy ra sự việc hay không? Luật sư cho rằng hành vi của các bị cáo phạm tội Cưỡng đoạt tài sản chứ không phải là hành vi Cướp tài sản như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Tp. B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:** Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên Tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội động xét xử không đặt ra xem xét.

**[2] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh**: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng mô tả. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 17h 30 phút ngày 11/9/2018, Nguyễn Trung H, Đinh Duy A và Nguyễn Hữu C đã có hành vi dùng vũ lực cướp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của chị Phạm Thị Th tại số nhà: 29/36, khu phố 3, phường T, thành phố B. Đến ngày 13/9/2018, cả 03 bị cáo ra đầu thú. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội " Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

**[3] Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng**: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau:

Bị cáo H là người rủ rê bị cáo A và bị cáo C tham gia và bị cáo H cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo A và bị cáo C có hành vi giữ tay, đè chị Th xuống để giúp sức cho bị cáo H cướp lấy số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trên tay của chị Th nên mức hình phạt của bị cáo H sẽ cao hơn mức hình phạt của bị cáo A và bị cáo C.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, quá trình điều tra đã ra đầu thú. Bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là người phạm tội tự

nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Căn cứ Điều 50, 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

**[4] Về xử lý vật chứng:**

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vaio màu đen, số Imel 1: 865569034445872, Imel 2: 865569034445864 của Nguyễn Trung H; 01 điện thoại di động hiệu Philips, imel 1: 861277030444907 của Nguyễn Hữu C mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, số imel : 353815082159108 là người anh Đinh Duy L không biết bị cáo A dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho anh Đinh Duy L là phù hợp.

Đối với Nguyễn Tấn T khi được bị cáo Nguyễn Trung H nhờ cầm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trả cho chị Phạm Thị Th thì T không biết số tiền trên do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Lương Công C chỉ nói cho Nguyễn Trung H biết sẽ trả tiền cho chị Phạm Thị Th vào chiều ngày 11/9/2018, để H đến xin chị Th trả số tiền nợ mà chồng chị Th vay trước đó chứ anh C không tham gia bàn bạc với Hiếu để cướp số tiền của chị Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

**[5] Về án phí HSST**: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hiếu không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung H, Đinh Duy A, Nguyễn Hữu C phạm tội: "Cướp tài sản".

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 168; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử phạt:**

Nguyễn Trung H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/09/2018.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

**Xử phạt:**

Đinh Duy A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/09/2018

Nguyễn Hữu C 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 13/09/2018.

**3. Về xử lý vật chứng:**

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vaio màu đen, số Imel 1: 865569034445872, Imel 2: 865569034445864 của Nguyễn Trung H; 01 điện thoại di động hiệu Philips, imel 1: 861277030444907 của Nguyễn Hữu C

Trả lại cho anh Đinh Duy L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, số imel : 353815082159108

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về án phí HSST: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Mộng Hà**